

Bản án số: 114/2020/DSST.
Ngày 12 tháng 5 năm 2020.
“*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi.
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 282/2015/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2015 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn M, sinh năm: 1962. (có mặt)

Địa chỉ: 64/15 đường Huỳnh Thị Bằng, tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông Muôn có ông Phạm Thanh H, sinh năm: 1965; (có mặt)

Địa chỉ: ấp An Hòa, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đối diện nhà 1/127 đường 127, ấp 1, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1960; (có mặt)

Địa chỉ: 64/1 đường Huỳnh Thị Bằng, tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trương Thị V, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: 64/15 đường Huỳnh Thị Bằng, tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Vinh có ông Phạm Thanh H, sinh năm: 1965; (có mặt)

Địa chỉ: ấp An Hòa, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1987; (có đơn xin vắng mặt)

- 3/ Bà Nguyễn Thúy V, sinh năm: 1990; (có đơn xin vắng mặt)
4/ Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 1992; (có mặt)
Cùng ngụ địa chỉ: 64/1 đường Huỳnh Thị Bông, tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
5/ Ông Hà Quang L, sinh năm: 1981; (có mặt)
Địa chỉ: 64/15 đường Huỳnh Thị Bông, tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
6/ Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.
Đại diện có ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch UBND huyện Củ Chi. (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố 7, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Văn M trình bày:

Nguyên từ trước năm 1975, Ông cùng anh em ruột của ông đã trực canh trên phần đất của ông bà, cha mẹ để lại khoảng 5.000 m² tọa lạc tại tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi. Trong quá trình cấp giấy phần đất nói trên bị cấp nhầm 55,5 m² vào Quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH, tờ bản đồ số 20, thửa đất số 962 và 78, diện tích 1.040 m² được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 29/3/2004 cho bà Trần Thị Th đứng tên. Hiện tại phần đất 55,5 m² do ông sử dụng từ trước đến nay. Phần đất 55,5 m² trên thực tế nằm ngoài bờ tường mà bà Trần Thị Th đã xây để xác định ranh và đồng thời bà cũng sử dụng ổn định từ trước đến nay. Vì các lẽ trên. Nay, Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông những vấn đề sau đây:

Yêu cầu bà Trần Thị Th trả cho ông 55,5 m² đất từ quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH, tờ bản đồ số 20, thửa đất số 962 và 78, diện tích 1.040 m².

Ngày 06/9/2019, Ông M có yêu cầu khởi kiện bổ sung với nội dung là yêu cầu hủy một phần đất có diện tích 55,3 m² nằm trong Quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH, tờ bản đồ số 20, thửa đất số 456; địa chỉ thửa đất tọa lạc tại số 64/1 đường Huỳnh Thị Bông, tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi; trong tổng diện tích 1.040 m² do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 29/3/2004 cho bà Trần Thị Th.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hà Văn M không thay đổi lời trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị Th, do đất tranh chấp bà Th đứng tên nên ông nhầm lẫn giữa diện tích và số thửa, nay ông xác định lại yêu cầu của ông là yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH ngày 29/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Trần Thị Th đối với phần đất diện tích là 55,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 55,3 m²) thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông; Buộc bà Trần Thị Th trả lại cho ông phần đất diện tích 55,3 m² thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông theo Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng – Thương mại Đo đạc và Bản đồ Phú Gia Thịnh lập ngày 16/9/2015. Ông thống nhất và đồng ý dùng chứng thư thẩm định giá lập vào ngày 01/8/2015 để giải quyết vụ kiện tại thời điểm này. Ngoài ra, Ông không có yêu cầu gì đối với bị đơn là bà Th về chi phí tạm ứng đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá mà ông đã bỏ ra

Ông M xác định trên phần đất ông đang tranh chấp với bà Th con ông là ông Hà Quang L và ông Hà Minh Q không chung sống và sử dụng trên phần đất này. Hiện trạng

trên phần đất tranh chấp có 01 bụi tầm vong do ông trồng, giá trị của bụi tầm vong này không lớn nên ông không có yêu cầu gì. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông phải trả lại phần đất trên cho bà Th thì ông sẵn sàng trả lại hiện trạng là đất trống cho bà Th mà không yêu cầu bồi thường giá trị của bụi tầm vong.

Đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Phạm Thanh H thống nhất với nội dung mà ông Muôn vừa trình bày, không có ý kiến gì bổ sung.

Trong bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh Q trình bày: Ông và ông Hà Văn M có trồng một số cây ăn trái trên phần đất trên nhưng toàn quyền quyết định là cha ông. Ông không có ý kiến gì và ông cũng không tranh chấp gì. Ông thống nhất theo ý kiến của cha ông là ông Hà Văn M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Quang L trình bày: Nguyên từ trước năm 1975, Ba ông cùng anh em ruột của ông đã trực canh trên phần đất của ông bà, cha mẹ để lại khoảng 5.000 m² tọa lạc tại tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi. Trong quá trình cấp giấy phần đất nói trên bị cấp nhầm 55,5 m² vào một phần Quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH, tờ bản đồ số 20, thửa đất số 962 và 78, diện tích 1.040 m² được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 29/3/2004 do bà Trần Thị Th đứng tên. Hiện tại phần đất 55,5 m² do ông sử dụng từ trước đến nay. Phần đất 55,5 m² trên thực tế nằm ngoài bờ tường mà bà Trần Thị Th đã xây xác định ranh, đồng thời bà cũng sử dụng từ trước cho đến nay. Vì các lẽ trên. Nay, Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông những vấn đề sau đây: Yêu cầu bà Trần Thị Th trả lại cho ông 55,5 m² đất cấp nhầm một phần Quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH, tờ bản đồ số 20, thửa đất số 962 và 78, diện tích 1.040 m² được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 29/3/2004 do bà Trần Thị Th.

Tại phiên tòa, ông Hà Quang L trình bày: Phần đất mà cha ông, ông Hà Văn M tranh chấp với bà Trần Thị Th không có liên quan gì với ông, nội dung trong bản tự khai là ông khai theo nội dung của ông M khai, ông không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, bà Trần Thị Th trình bày: Bà hiện ngụ tại tổ 42, ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi. Ông Hà Văn M tranh chấp đất với bà hoàn toàn không đúng. Nguồn gốc đất là của ông Hà Văn Đợc và bà Nguyễn Thị Ngưng, hai người này là cha mẹ của bà Hà Thị Nĩ và ông Hà Văn Gắt. Bà Hà Thị Nĩ sinh ra bà Trần Thị Búng là mẹ của bà, ông Hà Văn Gắt là cha của ông Hà Văn M. Năm 1965, Bà ngoại bà là bà Hà Thị Nĩ cất nhà mà hiện giờ bà đang ở nhưng không có dính trong phần đất ông bà bao nhiêu, phần nhiều là đất nghĩa địa, mẹ con bà chịu tiền cho họ lấy cốt để cất nhà. Lúc này đất ông bà mạnh ai nấy cất nhà, chưa ai có quyền sử dụng đất. Ngày 05/5/2003, Ông Hà Văn M kêu đo đạc địa chính tên Nguyễn Kỳ Tâm và Trương Quang Tuấn đến đo đạc ông Muôn nói với mẹ bà và bà nay tôi có kêu địa chính tới đo đạc chị và Th đo luôn, rồi mẹ bà và ông M chỉ vị trí và ranh giới cho địa chính đo đạc. Ông M nói mẹ bà, chị lớn tuổi rồi đừng có đứng tên nữa, chị chết khó lòng để cho con chị là Trần Thị Th đứng, mẹ con bà trả tiền đo đạc tại nhà ông M. Ngày 29/3/2004, Bà được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp quyền sử dụng đất số: 75/QSDĐ/HTH cho bà. Năm 1979, bà ngoại bà là bà Hà Thị Nĩ qua đời, hiện giờ hộ khẩu bà có sáu người gồm: Trần Thị Búng là mẹ bà, Trần Thị Th, Nguyễn Văn Phăng là chồng của bà (đã ly hôn), Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Thúy Vân, Nguyễn Minh Trung.

Nay, Ông M khởi kiện đòi bà trả lại 55,5 m², bà không đồng ý vì đó là đất của bà.

Tại phiên tòa, bà Th trình bày: Hiện nay mẹ bà là bà Trần Thị Búng đã chết, ông Nguyễn Văn Phăng đã đi ở nơi khác, trên phần đất bà đang ở chỉ còn có 04 người ở gồm:

bà và các con bà (Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Thúy V, Nguyễn Minh Tr). Bà không đồng ý theo yêu cầu của ông M vì đất này là đất của bà được cấp hợp pháp và có ký giáp ranh, tứ cận. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Ngọc Ánh, bà Nguyễn Thúy V trình bày: Ông, bà là con của bà Trần Thị Th. Ông, bà thống nhất với lời khai và ý kiến của bà Trần Thị Th, ông bà không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Minh Tr trình bày: Ông vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trước đó, không có ý kiến, yêu cầu gì bổ sung.

Người làm chứng, bà Võ Thị Hiệp trình bày: Bà là người dân xã Trung An lấy chồng về xã Phú Hòa Đông vào năm 1970. Theo bà biết được nguồn gốc đất này là của ông bà để lại cho con. Riêng phần đất tranh chấp này là của chú Muôn sử dụng nhưng chú Muôn chưa đăng ký quyền sử dụng đất. Mấy năm trước chú làm thủ tục đăng ký không được bởi lẽ diện tích đất của chú Muôn sử dụng mấy chục mét vuông hiện nằm trong quyền sử dụng đất của bà Thả. Bà biết diện tích đất này trước kia vào khoảng năm 1977, 1978 là nền nhà của chú Muôn.

Đại diện của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, ông Nguyễn Việt D trình bày: Liên quan đến vụ án dân sự thụ lý số: 282/2015/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2015 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Hà Văn M và bị đơn là bà Trần Thị Th, với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ông đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân các cấp xem xét, giải quyết vụ án nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị Thẩm phán xem xét khắc phục.

- Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu của nguyên đơn, nội dung tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn M yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH ngày 29/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Trần Thị Th đối với phần đất diện tích là 55,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 55,3 m²) thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông; Buộc bà Trần Thị Th trả lại cho ông phần đất diện tích 55,3 m² thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông. Đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ tranh chấp là tranh chấp về quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ông Hà Văn M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH ngày 29/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Trần Thị Th đối với phần đất diện tích là 55,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 55,3 m²) thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông; Buộc bà Trần Thị Th trả lại cho ông phần đất diện tích 55,3 m² thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông theo Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng – Thương mại Đo đạc và Bản đồ Phú Gia Thịnh lập ngày 16/9/2015.

Sau khi xem xét tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến nội dung vụ án tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Phần đất mà ông M đang canh tác, sử dụng; cũng như phần đất mà bà Trần Thị Th đang sử dụng có nguồn gốc là của ông bà, cha mẹ để lại; Ông M và bà Th đều làm thủ tục đo đạc, đăng ký hợp thức hóa quyền sử dụng đất của mình và làm cùng thời điểm có cắm mốc, ranh cụ thể; Phần đất diện tích là 55,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 55,3 m²) thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH ngày 29/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Trần Thị Th. Phần đất ông M cho rằng ông đang canh tác sử dụng ổn định và chưa đăng ký quyền sử dụng có diện tích là 93,2 m², trong đó có 55,3 m² đất nằm trong giấy chứng nhận của bà Trần Thị Th; Bà Th cho rằng phần đất ông M tranh chấp với bà là đất của bà, vì mẹ bà có một mình bà là con nên gia đình ông M ăn hiếp, không cho bà xây hàng rào đúng như ranh giới bà được cấp giấy do sợ bị kiểm chuyện nên bà làm hàng rào chừa phần đất tranh chấp lại; Phía sau, liền kề phần đất của bà Thả và phần đất tranh chấp là đất nghĩa địa, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Trong quá trình sử dụng đất, bà Th đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế với tư cách là người chủ sở hữu quyền sử dụng đất.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng phần đất ông M đang chấp với bà Th không liên gì đến ông L, ông Q, bà V, bà Ánh, ông Tr; Mặc dù phần đất tranh chấp ông M là người đang trực tiếp sử dụng nhưng đây là sử dụng bất hợp pháp, không được sự tự nguyện đồng ý của bà Thả; Phần đất còn lại có diện tích là 37,9 m² trong tổng diện tích 93,2 m² mà ông M đang sử dụng là đất nằm trong phần đất nghĩa địa; Phần đất mà ông M canh tác sử dụng ổn định ông đã đăng ký quyền sử dụng đất cùng thời điểm với bà Th và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Hà Văn M về việc yêu cầu bà Trần Thị Th trả lại phần đất diện tích là 55,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 55,3 m²) thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi theo Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng – Thương mại Đo đạc và Bản đồ Phú Gia Thịnh lập ngày 16/9/2015.

Do phần đất tranh chấp là đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Th. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Muôn là yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH ngày 29/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Trần Thị Th đối với phần đất trên là không có cơ sở chấp nhận.

Trên phần đất tranh chấp có 01 bụi tầm vong do ông trồng nhưng ông M không yêu cầu bồi thường giá trị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp, ông Muôn không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận. Do hồ sơ nhiều nên vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xét, Tòa án nghiêm chỉnh tiếp thu và sẽ khắc phục trong thời gian tới.

Quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp về quyền sử dụng đất, là tranh chấp không có giá ngạch. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 1, 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 164, 166, 185, 189, 190 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 5, 166, 168, 170 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn M về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 75/QSDĐ/HTH ngày 29/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Trần Thị Th đối với phần đất diện tích là 55,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 55,3 m²) thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn M về việc yêu cầu bà Trần Thị Th trả lại cho ông phần đất diện tích 55,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 55,3 m²) thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông theo Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng – Thương mại Đo đạc và Bản đồ Phú Gia Thịnh lập ngày 16/9/2015.

3. Buộc ông Hà Văn M trả lại cho bà Trần Thị Th phần đất diện tích 55,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 55,3 m²) thuộc thửa 546-17-1 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất là xã Phú Hòa Đông theo Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng – Thương mại Đo đạc và Bản đồ Phú Gia Thịnh lập ngày 16/9/2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Văn M phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi cản trừ số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2014/0001557 ngày 22/7/2015 mà ông M đã nộp. Hoàn trả cho ông Hà Văn M số tiền tạm ứng án phí 2.200.000 đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông M, ông H, ông L, bà Th, ông Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ánh, bà V, ông D không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (19b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương